

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 176 /2009/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 09 tháng 9 năm 2009

BỘ CÔNG THƯƠNG

ĐẾN Số
Ngày
Chuyên:

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về việc giảm thuế thu nhập cá nhân
đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế**

Căn cứ Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân;

Căn cứ Luật quản lý Thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 8/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân;

Căn cứ khoản 5 Điều 16 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

Căn cứ Điều 10 Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg ngày 02/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các công văn số 502/VPCP-KTTH ngày 20/01/2009, số 3045/VPCP-KTTH ngày 11/06/2009 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện thuế thu nhập cá nhân;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc giảm thuế thu nhập cá nhân của cá nhân làm việc tại khu kinh tế và khu kinh tế cửa khẩu (sau đây gọi chung là khu kinh tế) như sau:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

1. Đối tượng được giảm thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn tại Thông tư này là cá nhân bao gồm người Việt Nam và người nước ngoài cư trú hoặc không cư trú tại Việt Nam theo quy định của Pháp luật thuế, trực tiếp làm việc tại các khu kinh tế, cụ thể:

a/ Cán bộ, công chức và những người ký hợp đồng lao động với Ban quản lý khu kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước đóng tại khu kinh tế và thực tế làm việc tại khu kinh tế.

b/ Người lao động ký hợp đồng lao động với các tổ chức, cá nhân có cơ sở kinh doanh tại khu kinh tế và thực tế làm việc trên địa bàn khu kinh tế.

c/ Người lao động làm việc cho các tổ chức, cá nhân đóng ngoài khu kinh tế, nhưng được cử đến làm việc tại khu kinh tế để thực hiện các hợp đồng kinh tế do tổ chức, cá nhân ký kết với Ban quản lý khu kinh tế hoặc với các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong khu kinh tế.

d/ Cá nhân, nhóm cá nhân có địa điểm kinh doanh cố định tại khu kinh tế, thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại khu kinh tế có thu nhập chịu thuế từ kinh doanh theo quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân.

2. Cán bộ, công chức và người lao động làm việc theo hợp đồng với Ban quản lý khu kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong khu kinh tế, nhưng không trực tiếp làm việc tại khu kinh tế không thuộc đối tượng được giảm thuế thu nhập theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 2. Thu nhập chịu thuế làm căn cứ xét giảm thuế:

Thu nhập làm căn cứ tính số thuế thu nhập cá nhân được giảm theo quy định tại Thông tư này gồm:

- Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công mà cá nhân nhận được do làm việc tại khu kinh tế do các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có cơ sở kinh doanh trong khu kinh tế chi trả hoặc tổ chức, cá nhân đóng ngoài khu kinh tế chi trả do được cử đến làm việc tại khu kinh tế để thực hiện các hợp đồng kinh tế ký kết với Ban quản lý khu kinh tế hoặc với các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong khu kinh tế;

- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu kinh tế của cá nhân, nhóm cá nhân được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại khu kinh tế;

Từ ngày 01/01/2009, các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập của cá nhân trực tiếp sản xuất, kinh doanh trong khu kinh tế, được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính; Thông tư 62/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác về phương pháp xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 3. kê khai số thuế tạm nộp, quyết toán số thuế được giảm:

Cá nhân làm việc tại khu kinh tế có các khoản thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư này được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong năm và quyết toán số thuế được giảm khi hết năm, cụ thể như sau:

1. kê khai số thuế tạm nộp:

1.1. Đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công, hàng tháng căn cứ vào tổng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công trả cho người lao động làm việc trong khu kinh tế, tổ chức, cá nhân trả thu nhập tính số thuế thu nhập cá nhân phải khấu trừ theo quy định. Căn cứ số thuế phải khấu trừ, tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện nộp 50% số thuế khấu trừ vào ngân sách nhà nước. Số thuế được giảm, tổ chức, cá nhân trả thu nhập trả cho người lao động.

Hàng tháng, khi kê khai số thuế khấu trừ phải nộp Ngân sách, tổ chức, cá nhân trả thu nhập kê khai số thuế thu nhập cá nhân theo Mẫu số 02/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính, dòng tổng số thuế thu nhập đã khấu trừ (chỉ tiêu [13]) là tổng số thuế đã khấu trừ thực tế phải nộp Ngân sách (sau khi đã giảm 50% cho cá nhân thuộc đối tượng miễn giảm).

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc đối tượng phải trực tiếp khai thuế tháng với cơ quan thuế thì căn cứ vào số thuế khai tạm nộp hàng tháng, cá nhân thực hiện nộp 50% số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Trên tờ khai mẫu số 07/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính, dòng tổng số thuế phải nộp trong kỳ (chỉ tiêu [19]) phản ánh số thuế phải nộp sau khi đã giảm 50% theo hướng dẫn tại Thông tư này.

1.2. Đối với cá nhân, nhóm cá nhân có thu nhập từ kinh doanh:

- Hàng quý, cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh nộp thuế theo kê khai thuộc đối tượng được giảm 50% thuế thu nhập cá nhân tự tính số thuế tạm giảm, số thuế còn phải nộp và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Trên tờ khai mẫu số 08/KK-TNCN (áp dụng đối với cá nhân kinh doanh), tờ khai mẫu số 08A/KK-TNCN (áp dụng đối với nhóm cá nhân kinh doanh) ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính, dòng thuế thu nhập cá nhân tạm nộp trong kỳ, ghi đúng số thuế phải nộp Ngân sách nhà nước (sau khi đã giảm 50%).

- Đối với cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán, căn cứ trên tờ khai mẫu số 10/KK-TNCN (áp dụng đối với cá nhân kinh doanh), mẫu số 10A/KK-TNCN (áp dụng đối với nhóm cá nhân kinh doanh) ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính, cơ quan thuế sẽ ấn định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp, số thuế được giảm và thông

báo cho cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh biết số thuế còn phải nộp vào Ngân sách nhà nước.

2. Quyết toán số thuế được giảm:

2.1. Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

Từ năm 2009, tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính.

Hồ sơ quyết toán gồm các hồ sơ theo quy định đối với từng loại thu nhập tại các Thông tư trên, ngoài ra, tổ chức, cá nhân trả thu nhập phải lập danh sách cá nhân được giảm thuế theo mẫu Phụ lục giảm thuế thu nhập cá nhân dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho cá nhân làm việc tại khu kinh tế (Mẫu số 01/KKQT-TNCN) ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập đóng ngoài khu kinh tế cử người lao động đến làm việc tại khu kinh tế để thực hiện các hợp đồng kinh tế do tổ chức, cá nhân ký kết với Ban quản lý khu kinh tế hoặc với các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong khu kinh tế, tổ chức, cá nhân trả thu nhập cần lưu giữ các hợp đồng kinh tế ký kết với Ban quản lý khu kinh tế hoặc với các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong khu kinh tế và các văn bản điều động người lao động đến làm việc trong khu kinh tế và phải xuất trình khi có yêu cầu kiểm tra của cơ quan thuế.

2.2. Đối với cá nhân có thu nhập:

a/ Cá nhân không cư trú thuộc đối tượng được giảm thuế không phải quyết toán thuế.

b/ Cá nhân cư trú thuộc đối tượng được giảm thuế phải quyết toán số thuế được giảm nếu có số thuế phải nộp lớn hơn số thuế đã nộp, có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ số thuế nộp thừa vào kỳ sau.

- Cá nhân thuộc đối tượng giảm thuế có thu nhập từ tiền lương, tiền công quyết toán với cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập.

Hồ sơ quyết toán thuế thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2.3, mục II phần D Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính. Trong hồ sơ giảm thuế, cá nhân nộp kèm theo Phụ lục giảm thuế thu nhập cá nhân dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho cá nhân làm việc tại Khu kinh tế hoặc theo mẫu Phụ lục giảm thuế thu nhập cá nhân dành cho cá nhân kê khai trực tiếp với cơ quan thuế đối với thu nhập do làm việc tại khu kinh tế (Mẫu số 02/KKQT-TNCN) ban hành kèm Thông tư này.

- Cá nhân thuộc đối tượng được giảm thuế có thu nhập từ kinh doanh quyết toán trực tiếp với Chi cục Thuế nơi có khu kinh tế.

Trường hợp cá nhân vừa có địa điểm kinh doanh tại khu kinh tế, vừa có địa điểm kinh doanh ngoài khu kinh tế thì quyết toán thuế tại nơi có địa điểm kinh doanh mà cá nhân đăng ký giảm trừ gia cảnh.

Hồ sơ quyết toán thuế ngoài các giấy tờ quy định tại điểm 2.2, mục II phần D Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính, cá nhân phải có thêm bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh làm căn cứ xác nhận cá nhân có sản xuất kinh doanh tại khu kinh tế và kèm theo Phụ lục giám thuế thu nhập cá nhân dành cho cá nhân kinh doanh tại khu kinh tế (Mẫu số 03/KKQT-TNCN) ban hành kèm Thông tư này.

3. Xác định số thuế được giảm:

3.1. Đối với cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:

a/ Trường hợp cá nhân cư trú chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh phát sinh tại khu kinh tế:

Số thuế thu nhập được giảm bằng (=) Tổng số thuế thu nhập phải nộp nhân với (x) 50%.

Trong đó: Số thuế thu nhập phải nộp nêu trên là số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định.

b/ Trường hợp cá nhân cư trú vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh phát sinh tại khu kinh tế, vừa có thu nhập phát sinh ngoài khu kinh tế, thì số thuế thu nhập cá nhân được giảm do làm việc tại khu kinh tế xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế thu} \\ \text{nhập cá nhân} \\ \text{được giảm} \\ \text{trong năm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số thuế thu nhập} \\ \text{cá nhân phải nộp} \\ \text{trong năm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu thuế phát sinh} \\ \text{do làm việc tại khu kinh tế} \\ \text{Tổng thu nhập chịu thuế} \\ \text{trong năm tính thuế} \end{array} \times 50\%$$

Trong đó: Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong năm được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm tính thuế.

3.2. Đối với cá nhân không cư trú:

Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh tại khu kinh tế nhân với (x) thuế suất áp dụng cho cá nhân không cư trú nhân với (x) 50%.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1/ Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và được áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với cá nhân có thu nhập phát sinh tại khu kinh tế kể từ ngày 01/01/2009.

2/ Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại khu kinh tế kể từ ngày Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2008 thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao cũng được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp. Việc quyết toán thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 81/2004/TT-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính.

Cá nhân có thu nhập do làm việc tại các khu kinh tế đã được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thành lập trước ngày Nghị định số 29/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, có quy định ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp đối với người có thu nhập cao thì thực hiện giảm thuế theo văn bản hướng dẫn chế độ tài chính riêng đối với từng khu kinh tế đó đến thời điểm Nghị định số 29/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và thực hiện giảm thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này kể từ ngày Nghị định số 29/2008/NĐ-CP có hiệu lực.

3/ Cá nhân kinh doanh tại khu kinh tế trước ngày 01/01/2009 có phát sinh thu nhập từ kinh doanh đang thực hiện hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp đến hết ngày 31/12/2008 mà vẫn đang trong thời gian được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thì chuyển sang được tiếp tục hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập cá nhân cho hết thời gian miễn thuế còn lại, sau đó sẽ hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo về Bộ Tài chính để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: TU

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTTU Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cơ quan TTU của các Đoàn thể;
- UBND, Sở TC, Cục thuế, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TTU;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lm: VT, TCT(VT, PC, CS, TNCN(2b).49



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01/KKQT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
176/2009/TT-BTC ngày 9/9/2009
của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC GIẢM THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho tổ chức, cá nhân trả
tiền lương, tiền công cho cá nhân làm việc tại Khu kinh tế)

Chính thức: [] Bổ sung: [] Lần: []

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

[04] Địa chỉ:

[05] Điện thoại: [06] Fax: [07] Email:

Xác nhận những cá nhân sau đây (cả người Việt Nam và người nước ngoài)
làm việc tại khu kinh tế thuộc đối tượng giảm 50% thuế
thu nhập, cụ thể:

STT	Họ và tên [08]	MST [09]	Tổng thu nhập chịu thuế TNCN đã trả trong kỳ [10]	Thu nhập do làm việc trong khu kinh tế đã trả trong kỳ [11]	Số thuế thu nhập phải nộp [12]	Số thuế thu nhập được giảm [13]	Số thuế thu nhập còn phải nộp [14]
1							
2							
3							
...							
Cộng			[15]	[16]	[17]	[18]	[19]

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP
Ký, đóng dấu (Ghi rõ họ tên và chức vụ)

T.Y

Mẫu số **03/KKQT-TCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
176/2009/TT-BTC ngày 9/9/2009
của Bộ Tài chính)

Chính thức: [] Bổ sung: [] Lần: []

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Ho và tên cá nhân có thu nhập:.....

[03] Mã số thuế:

[illegible]

[04] Địa chỉ:

[05] Điện thoại:..... **[06] Fax:**..... **[07] Email:**.....

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng thu nhập chịu thuế TNCN [08]	
2	Thu nhập do sản xuất kinh doanh trong khu kinh tế [09]	
3	Số thuế thu nhập phải nộp [10]	
4	Số thuế thu nhập được giảm [11]	
5	Số thuế thu nhập còn phải nộp [12]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..... ngày tháng năm

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP
(Ký và ghi rõ họ tên)

7